

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 04 - 04 - 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nhu.

Bà Dương Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 04 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh HSIEH, CHIEN-YU, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số E, L, Khóm, B, Phường P, Khu P, thành phố C, Đài Loan (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng, bản án cho nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Trâm Thị Quyển N, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trì Thị Cha L, sinh năm 2005. Địa chỉ: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt cùng đề ngày 10/12/2024 nguyên đơn Anh HSIEH, CHIEN-YU trình bày: Vào năm 2024 anh và chị Trì Thị Cha L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/04/2024. Trong thời gian chung sống rất nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng ly thân không thể hàn gắn được do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống và chị L không đồng ý sang Đài Loan chung sống với anh, ai cũng có suy nghĩ riêng và cuộc sống chung trở nên

bế tắc, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh quyết định ly hôn. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh HSIEH, CHIEN-YU yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trì Thị Cha L.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh ở xa, do tính chất công việc và khoảng cách địa lý từ Đài Loan đến Việt Nam xa nên anh không thể đến Việt Nam tham gia phiên tòa được nên xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ông vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn chị Trì Thị Cha L trình bày: Chị và anh H, CHIEN-YU kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2024 theo giấy kết hôn ký ngày 12/4/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay ai cũng có suy nghĩ riêng, cuộc sống riêng, cuộc sống chung không hạnh phúc và bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm phai nhạt không còn tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống nên chị cũng đồng ý ly hôn; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, A, CHIEN-YU yêu cầu được ly hôn với chị Trì Thị Cha L; về nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H, CHIEN-YU là nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, có quốc tịch Trung Quốc. Còn chị Trì Thị Cha L hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh HSIEH, CHIEN-YU và chị Trì Thị Cha L là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân Cù lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2024 nên quan hệ hôn nhân giữa Anh HSIEH, CHIEN-YU và chị Trì Thị Cha L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan

điểm sống và chị L không đồng ý sang Đài Loan chung sống với anh H, CHIEN-YU nên anh H, CHIEN-YU thấy mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị Trì Thị Cha L biết về yêu cầu của anh H, CHIEN-YU thì chị L cũng đã gửi bản tự khai ngày 24/3/2025 trình bày ý kiến và đồng ý ly hôn với anh H, CHIEN-YU. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng Anh HSIEH, CHIEN-YU và chị Trì Thị Cha L không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không có, vợ chồng không muốn hàn gắn tình cảm, cũng không quan tâm nhau, mỗi người sống một nơi, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người nên yêu cầu khởi kiện của Anh HSIEH, CHIEN-YU xin được ly hôn với chị Trì Thị Cha L là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận cho Anh HSIEH, CHIEN-YU ly hôn với chị Trì Thị Cha L.

[2.2] Về con chung: không có không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời trình bày của Anh HSIEH, CHIEN-YU thì giữa hai người không có sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: 150.000 đồng anh H, CHIEN-YU phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 75.000 đồng; chị Trì Thị cha L phải chịu là 75.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56 khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh HSIEH, CHIEN-YU được ly hôn với chị Trì Thị Cha L.

2. Về con chung: không có, không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Anh HSIEH, CHIEN-YU phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền 0000452, ngày 19

tháng 02 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Anh H, CHIEN-YU được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai nói trên; chị Trì Thị Cha L phải chịu phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sở thẩm là 75.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Anh HSIEH, CHIEN-YU cư trú ở nước ngoài và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn chị Trì Thị Cha L cư trú tại Việt Nam và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (03);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND huyện Cù lao Dung (01);
- Lưu HSVA - Tổ HCTP (02).

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy